

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 6
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	7 – 8
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	9 – 11
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	12
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	13
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14 – 48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây Dựng và Kinh doanh Vật tư được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001488 ngày 04 tháng 03 năm 2003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 06 năm 2005, chuẩn y việc thay đổi sau:

- Bổ sung ngành nghề kinh doanh: Mua bán thiết bị viễn thông, điện thoại di động, máy vi tính và linh kiện, giấy và phụ liệu ngành giấy, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị điện lạnh-điện gia dụng, bếp cầm ứng từ, bao bì PP-PE. Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông. Lắp đặt, sửa chữa máy điều hòa không khí. Chăn nuôi gia súc, gia cầm (không chăn nuôi tại trụ sở). Khai thác mỏ;
- Tăng vốn điều lệ của Công ty từ 20.000.000.000 VND lên 36.000.000.000 VND.
- Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty từ Ông Nguyễn Văn Chiến sang Bà Đỗ Thị Ngọc Bình.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ hai do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 10 năm 2006, chuẩn y cho việc thay đổi sau:

- Tăng vốn điều lệ của Công ty từ 36.000.000.000 VND lên 46.000.000.000 VND.
- Bổ sung ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định. Dịch vụ khai thuê hải quan. Đại lý bán vé tàu, vé máy bay. Mua bán thiết bị và dụng cụ thể thao (trừ vũ khí thô sơ, súng đạn thể thao), lương thực, thực phẩm, đồ uống không cồn, đồ uống có cồn (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), quần áo may sẵn, quần áo thể thao, quần áo bảo hộ lao động, giày dép, túi xách, vải, đồ giải trí gia đình, đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế, thiết bị thông gió, thiết bị làm lạnh tàu biển-tàu hỏa-ô tô. Môi giới bất động sản. Sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở).

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ ba do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 07 năm 2007, chuẩn y cho việc thay đổi sau:

- Tăng vốn điều lệ của Công ty từ 46.000.000.000 VND lên 80.000.000.000 VND.
- Bổ sung ngành nghề kinh doanh: Khai thác và mua bán đá, sỏi xây dựng. Kinh doanh bất động sản. Dịch vụ quảng cáo thương mại. Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán).
- Thay đổi người đại diện vốn Nhà nước từ Ông Nguyễn Văn Chiến sang Bà Đỗ Thị Ngọc Bình.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ tư do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 11 năm 2007, chuẩn y việc: Bổ sung ngành nghề kinh doanh khai thác và mua bán cát xây dựng. Mua bán sắt, thép, phế liệu (không hoạt động tại trụ sở), đồng, nhôm, hạt nhựa.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ năm do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 03 năm 2008, chuẩn y cho thay đổi việc sau:

- Bổ sung tên, địa chỉ, địa điểm kinh doanh:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Số 9 – 19 (lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng Quận 7. Địa chỉ: 237, Nguyễn Thị Thập, Phường Tân Phú, Quận 7. Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất./.
- Cửa hàng Kinh doanh Vật Liệu Xây Dựng và Trang Trí Nội Thất. Địa chỉ: 276-278, Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh. Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất./.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ sáu do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 06 năm 2008, chuẩn y cho việc thay đổi: Bổ sung ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (trừ kinh doanh dịch vụ pháp lý).

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ bảy do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 12 năm 2008, chuẩn y cho việc thay đổi: Bổ sung ngành nghề kinh doanh Môi giới.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ tám do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 03 năm 2009, chuẩn y cho việc thay đổi: Bổ sung ngành nghề kinh doanh sản xuất bao bì bằng giấy, bìa; sản xuất bao bì bằng gỗ; sản xuất bao bì từ plastic (trừ: luyện cán cao su, tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ tại trụ sở);

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ chín do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 02 năm 2010, chuẩn y cho việc thay đổi Tăng vốn điều lệ của Công ty từ 80.000.000.000 VND lên: 100.000.000.000 VND.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ mười do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 03 năm 2011, chuẩn y cho việc thay đổi: Tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên: 100.150.690.000 VND.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ mười một do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 06 năm 2012, chuẩn y cho việc bãi bỏ địa điểm kinh doanh: Cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng quận 7, tại 237 Nguyễn Thị Thập, Phường Tân Phú Quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ mười hai do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 06 năm 2013, chuẩn y cho việc thay đổi sau:

- Thay đổi số điện thoại: 38295488; Fax: 38211096; Email: cnt@cnt.com.vn và Website: info@cnt.com.vn
- Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty từ Bà Đỗ Thị Ngọc Bình sang Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Chức Danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Sinh ngày 09/06/1968, Dân tộc: Kinh, Quốc tịch: Việt Nam, Số CMND: 023188241, ngày cấp: 28/11/2009, Nơi cấp: CA TP. Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 1/2/5 Đường 3D, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM, Việt Nam. Chỗ ở hiện tại: 1/2/5 Đường 3D, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM, Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ mười ba do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 08 năm 2013, chuẩn y cho việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật của công ty từ Bà Nguyễn Thị Thanh Hương sang Ông Phạm Quốc Khánh – Chức Danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Sinh ngày 02/09/1978, Dân tộc: Kinh, Quốc tịch: Việt Nam, Số CMND: 013236584, ngày cấp: 29/10/2009, Nơi cấp: CA TP. Hà Nội. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ô 34 BT1 Pháp Vân, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam. Chỗ ở hiện tại: Nhà A3 Khu đô thị Hà Đô, đường Trương Văn Bang, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, TP. HCM, Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ mười bốn do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 11 năm 2013, chuẩn y cho việc bổ sung ngành nghề kinh doanh: Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. (trừ lúa, thóc, gạo, đường mía và không hoạt động tại trụ sở)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Số 9 – 19 (lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- **Vốn điều lệ: 100.150.690.000 VND**

Cơ cấu vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Cổ đông	Số cổ phần	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Xây dựng số 1	3.450.000	34.500.000.000	34,45
Ông Trần Công Quý	2.430.000	24.300.000.000	24,26
Ông Phạm Quốc Khánh	639.380	6.393.800.000	6,38
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	171.850	1.718.500.000	1,72
Bà Phạm Thị Thúy Vân	157.590	1.575.900.000	1,57
Cổ đông khác	3.166.249	31.662.490.000	31,61
Cộng	10.015.069	100.150.690.000	100

- **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : 9–19 (lầu 6) Hồ Tùng Mậu, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. HCM

Điện thoại : (84-08) 38295488

Fax : (84-08) 38211096

Mã số thuế : **0 3 0 1 4 6 0 1 2 0**

Mã chứng khoán : CNT

Địa chỉ và trụ sở các Chi nhánh và Văn phòng đại diện

Chi nhánh

Chi nhánh 1-Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư

Địa chỉ : 12/66 Đào Duy Anh, Phường 09, Quận Phú Nhuận, TP. HCM

Mã số chi nhánh : **0 3 0 1 4 6 0 1 2 0**

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư – Kho hàng

Địa chỉ : 20 Đào Duy Anh, Phường 09, Quận Phú Nhuận, TP. HCM

Mã số chi nhánh : **0 3 0 1 4 6 0 1 2 0**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư – Trung tâm kinh doanh Bất động sản

Địa chỉ : 4/4 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Trung tâm phân phối số 1

Địa chỉ : 341 Nguyễn Duy Trinh, Phường Bình Trưng Tây, Quận 2, TP. HCM

Văn phòng đại diện

Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư tại Miền Trung

Địa chỉ : 79 (lầu 2) Quang Trung, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư tại Hà Nội

Địa chỉ : Phòng 706, tòa nhà 115 Lê Duẩn, P. Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

- **Ngành, nghề kinh doanh**

Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, chất phụ gia bê tông, nguyên vật liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất, thiết bị máy móc phương tiện vận tải phục vụ thi công, hàng tiêu thụ công nghiệp. Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dân dụng, đường dây, trạm biến áp và các công trình xây dựng khác. Đầu tư kinh doanh nhà, xa máy, thiết bị, phụ tùng và phương tiện vận tải, hàng điện tử, gốm sứ, sản phẩm nhựa, cao su, nông sản phẩm,

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Số 9 – 19 (lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

thực phẩm. Dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa, kho bãi. (không được sản xuất vật liệu xây dựng, nhựa, cao su; chế biến thực phẩm tươi sống trong khu dân cư tập trung ở thành phố Hồ Chí Minh). Bổ sung: Mua bán thiết bị viễn thông, điện thoại di động, máy vi tính và linh kiện, giấy và phụ liệu ngành giấy, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị điện lạnh-điện gia dụng, bếp cảm ứng từ, bao bì PP-PE. Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông. Lắp đặt, sửa chữa máy điều hòa không khí. Chăn nuôi gia súc, gia cầm (không chăn nuôi tại trụ sở). Khai thác mỏ; Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định. Dịch vụ khai thuê hải quan. Đại lý bán vé tàu, vé máy bay. Mua bán thiết bị và dụng cụ thể thao (trừ vũ khí thô sơ, súng đạn thể thao), lương thực, thực phẩm, đồ uống không cồn, đồ uống có cồn (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), quần áo may sẵn, quần áo thể thao, quần áo bảo hộ lao động, giày dép, túi xách, vải, đồ giải trí gia đình, đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế, thiết bị thông gió, thiết bị làm lạnh tàu biển-tàu hỏa-ô tô. Môi giới bất động sản. Sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở); khai thác và mua bán đá, sỏi xây dựng. Kinh doanh bất động sản. Dịch vụ quảng cáo thương mại. Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán); Khai thác và mua bán cát xây dựng. Mua bán sắt, thép, phế liệu (không hoạt động tại trụ sở), đồng, nhôm, hạt nhựa; Dịch vụ định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (trừ kinh doanh dịch vụ pháp lý); Môi giới; Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa; sản xuất bao bì bằng gỗ; sản xuất bao bì từ plastic (trừ: luyện cán cao su, tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ tại trụ sở); Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. (trừ lúa, thóc, gạo, đường mía và không hoạt động tại trụ sở)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Quốc Khánh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Tuân	Phó chủ tịch
Ông Trần Công Quốc Bảo	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Tân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Minh Thịnh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Đặng Văn Hoan	Trưởng ban
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên
Ông Hà Văn Minh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Công Quốc Bảo	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tuân	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh
Ông Phùng Đạt Đức	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh
Ông Đỗ Đức Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Trung Huy	Phó Tổng Giám đốc

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm Báo cáo này (từ trang 9 đến trang 48).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Số 9 – 19 (lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



TRẦN CÔNG QUỐC BẢO – Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2015

Số: 0285/2015/ BCTC-KTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2015, từ trang 9 đến trang 48 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Chúng tôi vẫn chưa nhận được các xác nhận liên quan đến nợ phải thu khách hàng cũng như không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác. Vì vậy, Chúng tôi không thể xác định tính hiện hữu của khoản mục Phải thu khách hàng với số tiền là 10.069.381.966 VND (*Xem thuyết minh số V.4*).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng cho một số khoản phải thu quá hạn và dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn cho các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác theo hướng dẫn tại thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 189/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013 (Thông tư 89) hướng dẫn bổ sung Thông tư 228. Theo ý kiến Chúng tôi, việc chưa trích lập dự phòng cho các khoản công nợ phải thu quá hạn và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn này là chưa phù hợp với nguyên tắc thận trọng được qui định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực Chung, hướng dẫn của Thông tư 228 và Thông tư 89. Nếu Công ty tiến

hành trích lập các khoản dự phòng này, số dư khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi và dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ tăng lần lượt là 138.928.870.127 đồng và 6.195.002.382 đồng; và lỗ trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ tăng 145.123.872.509 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”. Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh Báo cáo tài chính riêng số V.13 (a). Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Bao bì C&T – Ukraine là một Công ty con của Công ty đã ngưng hoạt động và đang làm thủ tục thoái vốn (Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh bao bì C&T Ukraine), tuy nhiên đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 Công ty vẫn chưa hoàn tất xong thủ tục thoái vốn. Ý kiến ngoại trừ của Chúng tôi, không liên quan đến vấn đề này.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2015



VÕ THE HOANG - Giám đốc điều hành
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0484-2013-037-1

NGUYỄN THỊ THƠM - Kiểm toán viên
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0787-2013-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		636.729.130.590	939.694.007.884
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	22.563.734.604	22.080.999.168
Tiền	111		22.563.734.604	22.080.999.168
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		19.576.917.731	86.942.600.134
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	20.256.917.731	90.023.953.526
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(680.000.000)	(3.081.353.392)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		380.164.766.354	600.197.642.433
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	361.182.923.402	538.533.842.754
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	8.446.046.986	16.833.804.995
3. Các khoản phải thu khác	135	V.6	19.877.225.839	54.260.618.951
4. Dự phòng phải thu khó đòi	139		(9.341.429.873)	(9.430.624.267)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	193.068.729.835	202.169.685.541
1. Hàng tồn kho	141		193.068.729.835	202.475.592.132
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(305.906.591)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.354.982.066	28.303.080.608
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	94.091.859	293.203.211
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.296.197.934	10.257.569.214
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		2.596.325.939	2.953.646.965
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	9.368.366.334	14.798.661.218
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		532.166.260.424	469.130.042.941
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		297.256.317.411	303.783.309.217
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	10.126.154.587	16.801.379.279
<i>Nguyên giá</i>	222		38.599.403.759	53.619.999.926
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(28.473.249.172)	(36.818.620.647)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.154.214.755	1.283.814.755
<i>Nguyên giá</i>	228		1.154.214.755	1.283.814.755
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	285.975.948.069	285.698.115.183
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	41.109.000.000	41.109.000.000
<i>Nguyên giá</i>	241		41.109.000.000	41.109.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	189.292.320.148	116.851.365.969
1. Đầu tư vào công ty con	251		152.600.327.612	80.159.373.433
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		46.253.100.000	46.253.100.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.388.100.000	1.388.100.000

4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(10.949.207.464)	(10.949.207.464)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.508.622.865	7.386.367.755
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.602.137.541	3.765.040.758
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.15	2.105.611.625	2.765.501.624
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	800.873.699	855.825.373
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		<u>1.168.895.391.014</u>	<u>1.408.824.050.825</u>

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.095.317.271.900	1.281.119.394.785
I. Nợ ngắn hạn	310		890.080.932.381	1.008.084.544.266
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	451.560.040.153	538.305.313.700
2. Phải trả người bán	312	V.18	221.937.124.499	370.325.809.754
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	4.858.697.478	7.560.039.252
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	2.257.899.539	1.949.714.615
5. Phải trả người lao động	315		1.263.355.900	3.346.320.759
6. Chi phí phải trả	316	V.21	56.932.258.658	20.227.462.591
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	148.736.501.326	64.049.243.275
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		1.870.935.322	1.592.720.814
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	664.119.506	727.919.506
II. Nợ dài hạn	330		205.236.339.519	273.034.850.519
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.24	103.283.566.200	131.686.566.200
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.25	101.952.773.319	141.348.284.319
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		73.578.119.114	127.704.656.040
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.26	73.578.119.114	127.704.656.040
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.150.690.000	100.150.690.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		81.585.637.916	81.585.637.916
3. Cổ phiếu quỹ	414		(1.012.784.684)	(1.012.784.684)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.292.918.740	12.292.918.740
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.106.668.938	10.106.668.938
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(129.545.011.796)	(75.418.474.870)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.168.895.391.014	1.408.824.050.825

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý		385.152.195	385.152.195
2. Ngoại tệ:			
Dollar Mỹ (USD)		29.848,10	1.239,08

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2015



TRẦN CÔNG QUỐC BẢO
Tổng Giám đốc

PHẠM THANH TUẤN
Kế toán trưởng

TRƯƠNG QUỐC CƯỜNG
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

(Có so sánh số liệu Năm 2013)

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	752.330.362.584	1.620.547.314.945
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		752.330.362.584	1.620.547.314.945
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	738.822.845.042	1.575.577.428.024
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.507.517.542	44.969.886.921
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.822.457.407	21.156.131.812
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	61.371.640.029	95.593.958.277
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		60.403.978.646	94.260.885.700
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	5.840.883.386	7.976.609.276
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	10.968.689.946	20.577.691.665
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(55.851.238.412)	(58.022.240.485)
11. Thu nhập khác	31		5.639.671.937	3.957.304.453
12. Chi phí khác	32		2.889.999.419	5.677.040.350
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	* 2.749.672.518	(1.719.735.897)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(53.101.565.894)	(59.741.976.382)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	365.081.033	703.699.813
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		659.889.999	4.898.906.100
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(54.126.536.926)	(65.344.582.295)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(5.459)	(6.590)



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2015

TRẦN CÔNG QUỐC BẢO
Tổng Giám đốc

PHẠM THANH TUẤN
Kế toán trưởng

TRƯƠNG QUỐC CƯỜNG
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, quận I, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

MÃU B 03-DN


Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		(53.101.565.894)	(59.741.976.382)
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4.279.639.213	4.917.041.713
- Các khoản dự phòng	03		(2.796.454.377)	(135.511.275)
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(2.793.493)	(10.607.674)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.776.889.845)	(9.538.328.016)
- Chi phí lãi vay	06		60.403.978.646	94.260.885.700
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		<i>3.005.914.250</i>	<i>29.751.504.066</i>
- Giảm/ (Tăng) các khoản phải thu	09		225.129.102.281	214.838.860.681
- Giảm hàng tồn kho	10		9.406.862.297	30.366.033.337
- Giảm các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(135.611.057.183)	(7.927.104.812)
- Tăng chi phí trả trước	12		2.362.014.569	4.640.983.639
- Tiền lãi vay đã trả	13		(26.494.006.533)	(105.859.803.083)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(44.194.301)	(1.626.607.522)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		5.889.193.865	9.307.043.730
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.221.412.513)	(9.571.785.901)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		81.422.416.732	163.919.124.135
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(277.832.886)	(302.017.420)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		5.319.346.399	1.944.063.636
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.221.958.397)	(49.000.000.000)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		39.700.000.000	36.200.000.000
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(37.520.954.179)	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	33.420.536.400
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.417.048.821	5.509.995.924
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.415.649.758	27.772.578.540
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		273.161.651.264	1.564.836.935.853
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(357.519.775.811)	(1.759.733.774.928)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(84.358.124.547)	(194.896.839.075)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		479.941.943	(3.205.136.400)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		22.080.999.168	25.286.135.568
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.793.493	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	22.563.734.604	22.080.999.168



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2015

TRẦN CÔNG QUỐC BẢO
 Tổng Giám đốc


PHẠM THANH TUẤN
 Kế toán trưởng


TRƯƠNG QUỐC CƯỜNG
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

MẪU B 09-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư (gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại - Dịch vụ - Xây lắp.
- Ngành, nghề kinh doanh** : Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, chất phụ gia bê tông, nguyên vật liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất, thiết bị máy móc và phương tiện vận tải phục vụ thi công, hàng tiêu thụ công nghiệp; xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dân dụng, đường dây, trạm biến áp và các công trình xây dựng khác; đầu tư kinh doanh nhà, xe máy, thiết bị, phụ tùng, và các phương tiện vận tải, hàng điện tử, gốm sứ, các sản phẩm nhựa, cao su, nông sản, thực phẩm; dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa, kho bãi...
- Công ty con, công ty liên kết**

<u>Stt</u>	<u>Tên Công ty</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>
<u>Công ty con</u>		
1	Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Bao bì C&T – Ukraine	100,00 %
2	Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh nhà An Phúc	100,00 %
3	Công ty TNHH Bê tông Đúc sẵn Vina – PSMC	70,00 %
<u>Công ty liên kết</u>		
1	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích	45,67 %
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phước Hòa	47,75 %
3	Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Phía Nam	33,33 %

5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 92 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 129 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là năm tài chính thứ mười hai của Công ty.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng Đôla Mỹ (USD) và các ngoại tệ khác trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012. Tỷ giá dùng để qui đổi các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối năm được áp dụng theo tỷ giá ngân hàng giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu..

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp. Thông tư này hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các Báo cáo tài chính của Công ty trong tương lai

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty liên kết hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền kiểm soát việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

4. Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

5. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào một Công ty mà phần góp vốn của Công ty chiếm dưới 20% vốn chủ sở hữu của Công ty đó.

6. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, ký quỹ ngắn hạn và khoản đầu tư dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí thuê tài sản, chi phí bảo lãnh được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời gian thuê hoặc bảo lãnh. Chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá một năm.

11. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc thiết bị	02 – 20
Phương tiện vận tải	06– 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	02 - 10
Tài sản cố định khác	02

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ

12. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất. Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, và phí lãi vay (nếu có)... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại thời điểm kết thúc niên độ.

14. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

15. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê văn phòng, chi phí xây dựng và sửa chữa nhà xưởng bê tông đúc sẵn Nghi Sơn và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào Kết quả kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí xây dựng và sửa chữa nhà xưởng bê tông đúc sẵn được phân bổ vào Kết quả kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm chi phí sửa chữa và chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ vào Kết quả kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

16. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông hàng năm.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

20. Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

22. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

23. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo cam kết với khách hàng. Việc trích dự phòng chi phí bảo hành của công ty được ước tính bằng 2% trên doanh thu.

24. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

25. Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.084.298.678	516.155.865
Tiền gửi ngân hàng	21.474.195.424	21.564.843.303
Các khoản tương đương tiền	5.240.502	115.131.254
Cộng	22.563.734.604	22.080.999.168

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	2.015.000.000	5.379.474.192
<i>Cổ phiếu (a)</i>	<i>2.015.000.000</i>	<i>5.379.474.192</i>
Đầu tư ngắn hạn khác	18.241.917.731	84.644.479.334
<i>Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm (b)</i>	<i>10.617.438.397</i>	<i>42.100.000.000</i>
<i>Đầu tư ngắn hạn khác(c)</i>	<i>7.624.479.334</i>	<i>42.544.479.334</i>
Cộng	<u>20.256.917.731</u>	<u>90.023.953.526</u>

Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn như sau:

(a) Cổ phiếu tại ngày 31/12/2014

	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
<i>Cổ phiếu</i>	<i>120.000</i>	<i>2.015.000.000</i>
Cổ phiếu IPA	20.000	1.000.000.000
Tổng Công ty thép Miền Nam	50.000	505.000.000
Tổng Công ty thép Miền Nam	50.000	510.000.000
Cộng	<u>240.000</u>	<u>2.015.000.000</u>

(b) Tiền gửi có kỳ hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quốc tế- Chi nhánh Hồ Chí Minh	8.226.438.397	11.500.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - PGD Nam Sài Gòn	-	3.600.000.000
Ngân hàng TMCP VPBank - Chi nhánh TP.HCM	-	25.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Hồ Chí Minh	*	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Phú Nhuận	2.391.000.000	-
Cộng	<u>10.617.438.397</u>	<u>42.100.000.000</u>

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm tại các ngân hàng thương mại với số tiền là 10.617.438.397 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 42.100.000.000 đồng), lãi suất từ 6,3% đến 7,5%/năm, nhằm đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

(c) Đầu tư ngắn hạn khác

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phước Hòa	4.423.510.000	4.423.510.000
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh Nhà An Phúc	-	34.920.000.000
Công ty TNHH TM-DV VTTB Công Nghiệp	2.800.000.000	2.800.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Huy Thục	400.969.334	400.969.334
Cộng	<u>7.624.479.334</u>	<u>42.544.479.334</u>

Là các khoản tiền cho các bên liên quan vay, và mượn cụ thể như sau:

Hợp đồng vay vốn số 195/CTY-TCKT ngày 27/12/2012 khoản cho vay 1.400.000.000 VND và Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 178/CTY-TCKT ngày 02/12/2011 khoản cho vay 3.023.510.000 VND lãi suất 12%/năm, thời hạn cho vay 6 tháng, trả lãi hàng tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngày 4 tháng 12 năm 2013 Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển Phước Hòa có công văn số 05/2014/VNH-PH đề nghị không tính lãi trong năm 2013. Đến năm 2014 Công ty cũng không tính lãi khoản cho vay này.

Hợp đồng số 1004/1010-anphuc ngày 10 tháng 4 năm 2010 và phụ lục Hợp đồng ngày 31 tháng 12 năm 2013 khoản cho vay 34.920.000.000 VND lãi suất 9%/năm thời hạn cho vay 6 tháng, lãi suất Công ty Cổ phần Xây dựng và kinh doanh Vật tư huy động + 2,5-3%/năm

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu xi măng Hà Tiên 1	-	(2.380.920.192)
Tổng Công ty Thép Miền Nam	(680.000.000)	(680.000.000)
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển BIDV- Chi nhánh HCM	-	(20.433.200)
Cộng	(680.000.000)	(3.081.353.392)

4. Phải thu khách hàng

Tổng Công Ty Xây Dựng Số 1	-	4.165.687.954
Công ty TNHH Bê Tông Đúc Sẵn VINA - PSMC	-	649.076.257
Công Ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích	5.830.307.380	8.949.160.740
Công ty Cổ phần Việt Nguyên	5.988.620.068	14.548.182.572
Cửa hàng Kinh doanh VLXD & TTNT	4.604.932.135	13.041.202.157
Công ty TNHH Xuân Giang (P.NV)	68.945.492.374	68.945.492.374
Công ty TNHH Thương mại Trà My	25.853.912.234	25.853.912.234
Công ty TNHH Xây dựng Công nghiệp Á Châu	11.463.757.598	11.504.625.997
Công ty TNHH Kinh Doanh Á Việt	19.838.248.646	20.348.248.646
Công ty Cổ phần Bê tông & Xây dựng Thăng Long	17.194.034.382	17.194.034.382
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 45	10.773.260.909	10.773.260.909
Công ty TNHH Soam Vina	15.482.532.334	21.155.870.453
Công ty Thi công Cơ giới 1 (P.3)	7.728.824.184	11.654.669.584
Ông Lại Trường Quang	18.937.407.898	22.012.662.753
Khách hàng khác	148.541.593.260	291.903.443.696
<i>Trong đó công nợ chưa nhận được xác nhận (*)</i>	<i>10.069.381.966</i>	
Cộng	361.182.923.402	538.533.842.754
Dự phòng phải thu khách hàng khó đòi	(9.341.429.873)	(9.430.624.267)
Phải thu khách hàng thuần	351.841.493.529	529.103.218.487

(*) Công nợ chưa nhận được thư xác nhận 10.069.381.966

5. Trả trước cho người bán

Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng & Công nghiệp Phía Nam	-	2.939.700.980
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Phước Hòa	-	720.786.557
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng An Thịnh	1.997.467.483	1.997.467.483
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Khai thác Công trình giao thông 584	712.915.650	712.915.650
Công ty Vật liệu xây dựng & Xây lắp Thương mại	1.400.065.245	1.400.065.245

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	1.330.000.000	1.330.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng	-	3.221.700.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Nhà Kiên Giang	2.177.341.301	2.789.341.301
Khách hàng khác	828.257.307	1.721.827.779
Cộng	8.446.046.986	16.833.804.995
6. Các khoản phải thu khác		
Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn VINA – PSMC	5.028.706.023	5.537.560.421
+ Cho vay	1.806.145.602	2.315.000.000
+ Cổ tức	3.222.560.421	3.222.560.421
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh Nhà An Phúc	-	29.144.374.514
+ Lãi cho vay	-	26.084.414.455
+ Cho vay	-	3.059.960.059
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích	-	555.329.500
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biển Tây Ông Trần Chí Hiếu	1.000.000.000	1.477.511.000
Ông Trần Chí Hiếu	-	3.039.200.000
Công ty Cổ phần Hồng Mã (TP.Hà Nội) – Xi măng Nghi Sơn- Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh	1.500.000.000	-
Xí nghiệp Tiêu thụ & Dịch vụ Xi măng Hà Tiên 1	211.281.250	-
Các khách hàng khác	12.137.238.566	15.061.973.016
Cộng	19.877.225.839	54.260.618.951
7. Hàng tồn kho		
Nguyên vật liệu	-	18.493.347
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	162.954.484.954	168.708.206.966
Hàng hóa	6.219.705.881	21.672.592.819
Hàng hóa bất động sản (**)	23.894.539.000	12.076.299.000
Cộng	193.068.729.835	202.475.592.132
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(305.906.591)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	193.068.729.835	202.169.685.541

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang thể hiện chi phí đầu tư xây dựng khu đô thị mới tại Thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang với số tiền là 160.560.494.301 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 162.275.327.177 VND), chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình mà công ty đang thực hiện cho khách hàng với số tiền là 2.255.784.540 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 2.474.673.882 VND) và các chi phí kinh doanh dở dang khác.

Tổng số chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang trong năm với số tiền là 12.236.775.606 (năm 2013 là 17.721.914.710 VND).

(**) Hàng hóa bất động sản thể hiện giá trị các lô đất mà Công ty đã mua ở huyện Tân Thành tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và huyện Củ Chi Thành Phố Hồ Chí Minh từ năm 2009 với số tiền lần lượt là 6.094.421.000 VND và 17.800.118.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Tổng Công ty chưa

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đánh giá được giá trị thuần có thể thực hiện được cho hàng hóa bất động sản đầu tư do không có đủ thông tin cho các sản phẩm này.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Khoản mục	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm
Chi phí thuê thiết bị	-	796.363.636	796.363.636	-
Chi phí sửa chữa	37.678.339	165.441.033	201.478.680	1.640.692
Chi phí bảo lãnh	255.524.872	2.218.389.897	2.399.592.768	74.322.001
Chi phí khác	-	9.860.993.265	9.842.864.099	18.129.166
Cộng	293.203.211	13.041.187.831	13.240.299.183	94.091.859

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhân viên tạm ứng	7.976.171.012	9.674.884.544
Ký quỹ, ký cược	1.392.195.322	5.123.776.674
Cộng	9.368.366.334	14.798.661.218

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

10. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	6.741.745.207	42.187.037.721	3.980.633.949	710.583.049	53.619.999.926
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	549.312.157	13.136.423.631	1.334.860.379	-	15.020.596.167
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>549.312.157</i>	<i>13.136.423.631</i>	<i>1.334.860.379</i>	-	<i>15.020.596.167</i>
Số cuối năm	6.192.433.050	29.050.614.090	2.645.773.570	710.583.049	38.599.403.759

Giá trị hao mòn lũy kế

Số đầu năm	3.790.606.976	29.334.246.195	3.085.905.081	607.862.395	36.818.620.647
Tăng trong năm	636.338.319	3.464.630.339	153.479.622	25.190.933	4.279.639.213
Giảm trong năm	27.465.615	11.920.311.177	677.233.896	-	12.625.010.688
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>27.465.615</i>	<i>11.920.311.177</i>	<i>677.233.896</i>	-	<i>12.625.010.688</i>
Số cuối năm	4.399.479.680	20.878.565.357	2.562.150.807	633.053.328	28.473.249.172

Giá trị còn lại

Số đầu năm	2.951.138.231	12.852.791.526	894.728.868	102.720.654	16.801.379.279
Số cuối năm	1.792.953.370	8.172.048.733	83.622.763	77.529.721	10.126.154.587

Trong đó:

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Số đầu năm	-	7.931.784.959	1.263.512.629	482.977.322	9.678.274.910
Số cuối năm	-	4.446.080.878	1.980.312.629	513.537.322	6.939.930.829

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Dự án Chung cư Phú Long (*)	-	246.332.886	-	246.332.886
Dự án tổ hợp cao ốc C&T Plaza tại Quận 2 (**)	285.698.115.183	31.500.000	-	285.729.615.183
Cộng	285.698.115.183	277.832.886	-	285.975.948.069

(*) Dự án Chung cư Phú Long tại Quận Tân Bình được hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Bảo Ngọc Tú theo Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 23 tháng 01 năm 2008. Tổng vốn đầu tư của dự án theo hợp đồng là 94 tỷ đồng được góp bởi một phần Giá trị Quyền sử dụng đất của Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Bảo Ngọc Tú tương đương với số tiền là 14 tỷ đồng và vốn tự có của Công ty tương đương với số tiền 50 tỷ đồng, đồng thời thanh toán cho Công ty TNHH Bảo Ngọc Tú giá trị Quyền sử dụng đất còn lại là 30 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 dự án đã hoàn thành.

(**) Dự án tổ hợp cao ốc C&T Plaza tại quận 2 được hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1023/2009/HTĐT ngày 04 tháng 12 năm 2009. Tổng vốn đầu tư của dự án theo Hợp đồng là 1.400 tỷ đồng được góp bởi hai bên theo tỉ lệ 50-50. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, dự án đã hoàn tất giai đoạn giải phóng mặt bằng với tổng chi phí thực hiện là 285.729.615.183 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 285.698.115.183 đồng).

Tổng chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 31.762.025.696 VND.

12. Bất động sản đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bất động sản đầu tư	41.109.000.000	41.109.000.000
Cộng	41.109.000.000	41.109.000.000

Bất động sản đầu tư thể hiện giá trị Quyền sử dụng khu đất 3.062,4 m² tại đường Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty được chuyển giao từ Công ty TNHH TM & SX Bảo Ngọc Tú vào ngày 04 tháng 02 năm 2013 liên quan đến việc hợp tác đầu tư xây dựng Khu Chung cư cao tầng Phú Long căn cứ theo Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 23 tháng 1 năm 2008 và biên bản thanh lý hợp đồng ngày 25 tháng năm 2009.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được Công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào Công ty con (a)	152.600.327.612	80.159.373.433
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh (b)	46.253.100.000	46.253.100.000
Đầu tư dài hạn khác (c)	1.388.100.000	1.388.100.000
Dự phòng giảm giá đầu tư	(10.949.207.464)	(10.949.207.464)
Cộng	189.292.320.148	116.851.365.969

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(a) Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH sản xuất và Kinh doanh Bao bì C&T – Ukraine (*)	10.124.917.464	10.124.917.464
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh nhà An Phúc (**)	126.348.954.179	53.908.000.000
Công ty TNHH Bê tông Đúc sẵn Vina – PSMC (***)	16.126.455.969	16.126.455.969
Cộng	<u>152.600.327.612</u>	<u>80.159.373.433</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Bao bì C&T – Ukraine, hiện nay Công ty này đã ngưng hoạt động và đang thực hiện thủ tục thoái vốn.

(**) Khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh Nhà An Phúc với giá trị vốn góp là 126.348.954.179 VND, chiếm 100 % vốn điều lệ của Công ty này. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh nhà An Phúc là kinh doanh nhà và xây dựng dân dụng, công nghiệp, cầu đường, thủy lợi. Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh nhà An Phúc phản ánh khoản lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền là 640.365.193 VND. Tuy nhiên Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, nên không trích lập dự phòng cho khoản lỗ đầu tư vào Công ty này.

(***) Khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH Bê tông Đúc sẵn Vina – PSMC với giá trị vốn góp là 16.126.455.969 VND, chiếm 70 % vốn điều lệ của Công ty này. Hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Bê tông Đúc sẵn Vina – PSMC là cung cấp bê tông tươi (bê tông đúc sẵn). Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty TNHH Bê tông Đúc sẵn Vina – PSMC phản ánh khoản lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền là 9.569.281.732 VND. Tuy nhiên Công ty chưa trích lập dự phòng cho khoản lỗ đầu tư vào Công ty này, ước tính khoản dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Bê tông Đúc sẵn Vina – PSMC chưa được trích lập theo tỷ lệ góp vốn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 4.942.705.208 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các Công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ phần vốn sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Giá trị (VND)
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Bao bì C&T – Ukraine	Số 3, đường Industrialnaya, Nikolaie, Ukraine	Sản xuất, kinh doanh bao bì PP thông dụng	100,00 %	100,00 %	10.124.917.464
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh Nhà An Phúc	Số 9-19, đường Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp. HCM	Kinh doanh bất động sản và xây dựng công trình	100,00 %	100,00 %	126.348.954.179
Công ty TNHH Bê tông Đức sẵn Vina – PSMC	Lô 1699, Khu công nghiệp Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An	Sản xuất bê tông cốt thép dự ứng lực	70,00 %	70,00 %	16.126.455.969
Cộng					152.600.327.612

(b) Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích (*)	7.053.100.000	7.053.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phước Hòa (**)	38.200.000.000	38.200.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Phía Nam (***)	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	46.253.100.000	46.253.100.000

(*) Khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích với giá trị vốn góp là 7.053.100.000 VND, chiếm 45,67 % vốn điều lệ của Công ty này. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích là cung cấp sắt- thép, xi măng, nhựa đường và nhập khẩu nguyên vật liệu cho các công trình xây dựng. Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích phản ánh khoản lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền là 6.068.395.634 VND, tuy nhiên Công ty vẫn chưa trích lập dự phòng cho khoản lỗ đầu tư vào Công ty này, ước tính khoản dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích chưa được trích lập theo tỷ lệ góp vốn của Công ty là 1.252.297.173 VND.

(**) Khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phước Hòa với giá trị vốn góp là 38.200.000.000 VND, chiếm 47,75 % vốn điều lệ của Công ty này. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phước Hòa là khai thác và kinh doanh bến cảng thủy nội địa và sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng. Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phước Hòa phản ánh khoản lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền là 1.340.265.973 VND, tuy nhiên Công ty vẫn chưa trích lập dự phòng cho khoản lỗ đầu tư vào công ty này, ước tính khoản dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phước Hòa chưa được trích lập theo tỷ lệ góp vốn của Công ty là 606.924.521 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(***) Khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Phía Nam với giá trị vốn góp là 1.000.000.000 VND, chiếm 33,33 % vốn điều lệ của Công ty này. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Phía Nam là xây dựng công trình dân dụng và kinh doanh nhà. Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Phía Nam phản ánh khoản lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền là 2.245.545.782 VND, tuy nhiên Công ty vẫn chưa trích lập dự phòng cho khoản lỗ đầu tư vào Công ty này, ước tính khoản dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Phía Nam chưa được trích lập theo tỷ lệ góp vốn của Công ty là 734.251.112 VND.

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết, liên doanh của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ phần vốn sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích	49 Lê Quốc Hưng, phường 12, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh vật liệu xây dựng	45,67 %	45,67 %	7.053.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phước Hòa	Áp Phước Lộc, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Khai thác cảng biển, kinh doanh vật liệu xây dựng	47,75 %	47,75 %	38.200.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Phía Nam	38E đường Trần Cao Vân, phường 6, Quận 3, Tp. HCM	Xây dựng công trình dân dụng	33,33 %*	33,33 %	1.000.000.000
Cộng					46.253.100.000

(c) Đầu tư dài hạn khác

Các bên đầu tư dưới 20% vốn điều lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biển Tây	1.388.100.000	1.388.100.000
Cộng	1.388.100.000	1.388.100.000

Thu nhập phát sinh từ các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biển Tây	277.620.000	-
Cộng	277.620.000	-

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm
Chi phí phát hành trái phiếu	137.499.996	-	137.499.996	-
Chi phí thiết bị công trình Nghi Sơn	3.204.275.077	-	1.602.137.536	1.602.137.541
Chi phí Mỏ đá Trà Đước	423.265.685	-	423.265.685	-
Cộng	3.765.040.758	-	2.162.903.217	1.602.137.541

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Chi phí phải trả & các khoản dự phòng khác	Các khoản lỗ tính thuế	Cộng
Số đầu năm trước	1.977.310.553	5.687.097.171	7.664.407.724
Chuyển sang lợi nhuận (lỗ) trong năm trước	788.191.071	(5.687.097.171)	(4.898.906.100)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
Số cuối năm trước/ Số đầu năm nay	2.765.501.624	-	2.765.501.624
Chuyển sang lợi nhuận (lỗ) trong năm nay	(659.889.999)	-	(659.889.999)
Số cuối năm nay	2.105.611.625	-	2.105.611.625

16. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn -Thuê văn phòng	285.049.920	465.049.920
Ký cược, ký quỹ dài hạn- cải tạo, phục hồi môi trường mỏ đá Trà Đuốc	515.823.779	390.775.453
Cộng	800.873.699	855.825.373

17. Vay và nợ ngắn hạn

<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	434.516.568.183	479.479.181.730
Vay ngắn hạn VND -Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Nhuận	38.101.801.214	31.937.912.155
Vay ngắn hạn VND -Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng VPBank - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	24.780.912.387
Vay ngắn hạn VND - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Agribank - Chi nhánh Hồ Chí Minh	38.601.245.095	42.294.485.466
Vay ngắn hạn VND - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	57.932.680.624	65.893.173.793
Vay ngắn hạn VND - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4	68.695.711.999	59.840.347.296
Vay ngắn hạn VND - Ngân hàng TMCP Quốc Tế Sài Gòn	67.819.638.840	74.257.066.498
Vay ngắn hạn VND - Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Gia Định	69.379.675.577	82.779.675.577
Vay ngắn hạn VND -Ngân hàng TMCP Quân Đội - PGD. Nam Sài Gòn	93.985.814.834	97.695.608.558
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	17.043.471.970	58.826.131.970
Cộng	451.560.040.153	538.305.313.700

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại và các tổ chức khác với hạn mức vay là 482,88 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 533 tỷ đồng) với lãi suất tiền vay một năm từ 7% đến 13 % (năm 2013: từ 7% đến 13%). Trong đó:

- Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Nhuận được đảm bảo bằng việc cầm cố Quyền thụ hưởng đối với cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phước Hòa; Quyền sử dụng 10 lô đất tại Huyện Tân Thành - Bà Rịa Vũng Tàu, 184 Quyền sử dụng đất tại Khu đô thị mới Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang; toàn bộ số dư tiền gửi tại Ngân hàng và Quyền đòi nợ theo các Hợp đồng thế chấp đã ký.
- Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại Hà Tiên theo Hợp đồng thế chấp số 1700LCP201100230 ngày 29 tháng 3 năm 2011; và cổ phiếu Công ty Thép Miền Nam với số lượng cổ phiếu 100.000 cổ phiếu giá trị được định giá là 1.000.000.000 đồng , và 8.884 cổ phiếu Ngân hàng BIDV.
- Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được đảm bảo bằng việc cầm cố tài khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng trị giá 2 tỷ đồng, 22 lô đất Hà tiên giá trị định giá 12.286.400.000 đồng và 01 lô đất tại Quận Bình Thạnh TP. HCM .

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn được đảm bảo bằng quyền sử dụng 68 lô đất Hà tiên, 01 lô đất tại Bình Dương, 01 lô đất tại Hà Nội, dự án Tân Bình, 09 lô đất tại Củ Chi, Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng trị giá 13 tỷ đồng và quyền đòi nợ.

- Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4 được đảm bảo bằng quyền đòi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 010.022.002 ngày 19 tháng 4 năm 2010; Máy móc, thiết bị trị giá theo định giá của Ngân hàng 3.800.000.000 và quyền đòi nợ.
- Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Quân Đội - Chi nhánh Chợ Lớn được đảm bảo bằng việc cầm cố tài khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng giá trị là 3,6 tỷ đồng, Quyền sử dụng 13.864 m² đất tại Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh Nhà An Phúc và Quyền đòi nợ.
- Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Gia Định được đảm bảo bằng toàn bộ Quyền sử dụng đất đã đền bù, thu hồi của các hộ dân thuộc dự án tổ hợp cao ốc văn phòng , trung tâm thương mại và chung cư tại Phường An Phú , Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 0515.08/HĐTC ngày 16 tháng 2 năm 2009 và Hợp đồng số 0591.09/HĐTC ngày 21 tháng 7 năm 2009. Giá trị tài sản thế chấp là 266.790.992.000 đồng theo Biên bản định giá tài sản ngày 22 tháng 7 năm 2011.
- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Chợ Lớn được đảm bảo bằng quyền sử dụng 13.864 m² đất tại Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh Nhà An Phúc và Quyền đòi nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công Ty Xây Dựng Số 1	434.246.448	11.280.872.902
Công ty Cổ phần Xây Dựng & Thương mại Ban Tích	2.040.690.288	3.981.860.180
Công ty Cổ phần Đầu Tư & Phát Triển Phước Hòa	270.001.884	-
Công ty TNHH Bê Tông Đúc Sẵn VINA – PSMC	2.093.746.171	2.093.746.171
Công ty TNHH Thép Vinakyoei	56.562.870.640	60.364.044.557
Mitsui & Co.Vietnam Ltd	10.224.788.952	11.868.512.397
Công ty TNHH Marubeni - Itochu Steel Việt Nam	21.471.290.328	20.768.833.335
Công ty Thép Miền Nam - Chi nhánh Tổng Công Ty Thép Việt Nam	14.818.767.583	21.319.364.227
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thép Hòa Phát tại Tp. Hồ Chí Minh	8.789.602.703	12.679.566.949
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 - Xi nghiệp Tiêu thụ & Dịch vụ Xi măng Hà Tiên 1	12.536.229.330	11.531.346.924
Holcim (Vietnam) Limited	23.134.252.670	93.682.496.473
Khách hàng khác	69.560.637.502	120.755.165.639
Cộng	<u>221.937.124.499</u>	<u>370.325.809.754</u>

19. Người mua trả tiền trước

Tổng Công Ty Xây Dựng Số 1	2.782.117.586	-
Viện Nghiên Cứu Cơ Khí	-	3.395.000.000
Công ty TNHH Du lịch Tân Mê Kông	-	3.313.004.710
Ban QLDA Xây Dựng ĐHQG Tp.HCM	999.974.041	115.607.660
Trung tâm Kinh doanh Bất Động Sản	387.904.000	387.904.000
Công ty Cổ phần Bê tông Biên Hòa	227.722.800	-
Các khách hàng khác	460.979.051	348.522.882
Cộng	<u>4.858.697.478</u>	<u>7.560.039.252</u>

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp nội địa	-	154.154.582	154.154.582	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	70.725.136	70.725.136	-
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(2.218.303.008)	33.678.636	51.950.513	(2.236.574.885)
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(717.072.087)	401.515.334	44.194.301	(359.751.054)
Thuế thu nhập cá nhân	496.995.721	274.129.955	258.177.102	512.948.574
Thuế tài nguyên	913.671.864	2.844.040.995	2.590.200.034	1.167.512.825
Các loại thuế khác	-	9.000.000	9.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	520.775.160	1.434.347.000	1.377.684.020	577.438.140
Cộng	<u>(1.003.932.350)</u>	<u>5.221.591.638</u>	<u>4.556.085.688</u>	<u>(338.426.400)</u>

(*) Khoản Thuế xuất, nhập khẩu và Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa được trình bày ở khoản mục thuế và các khoản phải thu nhà nước.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : Không chịu thuế: Quyền sử dụng đất

0% hàng xuất khẩu

10% đối với mặt Sắt, thép, vận chuyển; các hoạt động khác

- *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Xem Thuyết minh số VI.8

- *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo các qui định hiện hành.

21. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi tiền vay	48.086.149.628	12.986.520.163
Chi phí vận chuyển	677.535.521	4.189.949.083
Chi phí xây lắp	206.061.200	307.718.337
Chi phí giao khoán	-	4.860.600
Lãi trái phiếu	7.902.890.324	2.738.414.408
Chi phí khác	59.621.985	-
Cộng	<u>56.932.258.658</u>	<u>20.227.462.591</u>

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Kinh phí công đoàn	38.380.000	66.100.000
Bảo hiểm xã hội	-	57.303.148
Bảo hiểm thất nghiệp	1.924.092	-
Khách hàng ứng tiền trước dự án - đất Hà Tiên	36.693.963.386	42.601.637.448
Khách hàng ứng tiền trước dự án - đất Rạch Giá	1.415.736.000	2.027.736.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13.906.093.546	13.129.097.558
Phải trả khác	96.680.404.302	6.167.369.121
Cộng	<u>148.736.501.326</u>	<u>64.049.243.275</u>

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Giảm trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	727.919.506	-	63.800.000	664.119.506
Cộng	<u>727.919.506</u>	<u>-</u>	<u>63.800.000</u>	<u>664.119.506</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

24. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà (*)	103.283.566.200	73.283.566.200
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Số 5	-	58.403.000.000
Cộng	<u>103.283.566.200</u>	<u>131.686.566.200</u>

(*) Đây là khoản góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Đô thị Sông Đà để thực hiện Dự án tổ hợp cao ốc C&T Plaza tại Quận 2. Dự án này được thực hiện theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 1023/2009/HTĐT ngày 4 tháng 12 năm 2009 như đã trình bày tại Thuyết minh số V.11.

25. Vay và nợ dài hạn

Vay dài hạn VND - Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	22.176.879.619	27.528.559.619
Vay dài hạn VND - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV - Chi nhánh Phú Nhuận	64.906.900.000	78.491.000.000
Vay dài hạn VND - Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long - Chi nhánh Gia Định	-	5.600.000.000
Vay dài hạn - Vay các đối tượng khác	14.868.993.700	29.728.724.700
Cộng	<u>101.952.773.319</u>	<u>141.348.284.319</u>

- Khoản vay dài hạn của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Kiên Giang với hạn mức 29.154.691.589 VND. Thời hạn vay từ ngày 07 tháng 7 năm 2010 đến ngày 24 tháng 9 năm 2016. Khoản vay này dùng để đầu tư mua máy móc thiết bị chuyên dùng để đóng cọc bê tông xây dựng công trình, mua dây chuyền nghiền sàng đá 150T/h khai thác mỏ đá Trà Đước - Kiên Giang và đầu tư xây dựng cho khu đô thị mới tại Thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và khu đất dự án lấn biển xây dựng khu đô thị mới Hà Tiên. Khoản vay này chịu lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Kiên Giang cộng 4%/năm và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần.
- Khoản vay dài hạn của Công ty tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Nhuận với hạn mức 76 tỷ đồng. Thời hạn vay từ ngày 26 tháng 11 năm 2012 đến ngày 01 tháng 12 năm 2017. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố quyền thụ hưởng đối với cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phước Hòa; Quyền sử dụng 10 lô đất tại Huyện Tân Thành - Bà Rịa Vũng Tàu, 189 quyền sử dụng đất tại Khu đô thị mới Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang; toàn bộ số dư tiền gửi Ngân hàng và quyền đòi nợ theo các hợp đồng thế chấp đã ký. Khoản vay này chịu lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kì hạn 12 tháng trả lãi sau cộng với 4%/năm.
- Khoản vay dài hạn của Công ty tại Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long (Ngân hàng MHB) - Chi nhánh Gia Định với hạn mức 16,6 tỷ đồng. Thời hạn vay từ ngày 05 tháng 10 năm 2011 đến ngày 6 tháng 7 năm 2014. Khoản vay này dùng để đầu tư dự án nhà xưởng sản xuất cọc ván Bê tông dự ứng lực - Khu kinh tế Nghi Sơn - Thanh Hóa. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp số 0515.08/HĐTC ngày 30 tháng 12 năm 2008, số 0632.09/HĐTC ngày 16 tháng 2 năm 2009, số 0591.09/HĐTC ngày 21 tháng 7 năm 2009, số 0787.11/HĐTC ngày 08 tháng 12 năm 2011 (Các quyền sử dụng đất dự án tổ hợp cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại và chung cư tại Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh thuộc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

quyền sử dụng hợp pháp của Công ty Cổ Phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư). Lãi suất cho vay được áp dụng theo hình thức thả nổi.

- Khoản vay dài hạn khác bao gồm các khoản vay tín chấp từ các tổ chức và các cá nhân. Các khoản vay này chịu lãi suất từ 10%/năm đến 12%/năm và đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.
- Trái phiếu được bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc khi đáo hạn bởi Ngân hàng Quân đội Chi nhánh Chợ Lớn, là trái phiếu không chuyển đổi, để sử dụng cho mục đích tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty, mệnh giá là 1.000.000 đồng/trái phiếu. Thời hạn trái phiếu là 2 năm từ tháng 6 năm 2012, lãi suất 18%/năm cố định cho 6 tháng đầu của năm thứ nhất, sau đó tính bằng lãi suất bình quân huy động tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng của 5 Ngân hàng thương mại (Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn, Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Chợ Lớn) vào thời điểm tại ngày tính lãi cộng (+) 4%/năm.

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng 1 năm	22.497.371.970	58.826.131.970
Trong năm thứ hai	44.509.879.619	62.128.559.619
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	51.988.993.700	79.219.724.700
Cộng	118.996.245.289	200.174.416.289
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(22.497.371.970)	(58.826.131.970)
Số phải trả sau 12 tháng	96.498.873.319	141.348.284.319

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

26. Vốn chủ sở hữu**Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lỗi lũy kế	Cộng
Số đầu năm trước	100.150.690.000	81.585.637.916	(1.012.784.684)	12.292.918.740	10.106.668.938	(10.073.892.575)	193.049.238.335
Lỗi năm trước	-	-	-	-	-	(65.344.582.295)	(65.344.582.295)
Số cuối năm trước	100.150.690.000	81.585.637.916	(1.012.784.684)	12.292.918.740	10.106.668.938	(75.418.474.870)	127.704.656.040
Số đầu năm nay	100.150.690.000	81.585.637.916	(1.012.784.684)	12.292.918.740	10.106.668.938	(75.418.474.870)	127.704.656.040
Lỗi năm nay	-	-	-	-	-	(54.126.536.926)	(54.126.536.926)
Số cuối năm	100.150.690.000	81.585.637.916	(1.012.784.684)	12.292.918.740	10.106.668.938	(129.545.011.796)	73.578.119.114

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	%	Số cổ phần	%
Tổng Công ty Xây dựng số 1	3.450.000	34,45	3.450.000	34,45
Ông Trần Công Quý	2.430.000	24,26	2.430.000	24,26
Ông Phạm Quốc Khánh	639.380	6,38	639.380	6,38
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	171.850	1,72	171.850	1,72
Bà Phạm Thị Thủy Vân	157.590	1,57	157.590	1,57
Cổ đông khác	3.166.249	31,61	3.166.249	31,61
Cộng	10.015.069	100	100.150.690.000	100

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.015.069	10.015.069
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	10.015.069	10.015.069
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.015.069</i>	<i>10.015.069</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	100.000	100.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000</i>	<i>100.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.915.069	9.915.069
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.915.069</i>	<i>9.915.069</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	676.379.380.251	1.505.060.059.498
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.114.819.912	14.074.782.012
Doanh thu hoạt động xây lắp	52.947.808.098	74.071.529.017
Doanh thu kinh doanh bất động sản	17.888.354.323	27.340.944.418
Cộng	<u>752.330.362.584</u>	<u>1.620.547.314.945</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	663.898.797.833	1.466.601.209.575
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.995.542.950	13.781.279.618
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	15.962.220.473	25.299.512.266
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	53.966.283.786	69.895.426.565
Cộng	<u>738.822.845.042</u>	<u>1.575.577.428.024</u>

3. Doanh thu tài chính

Thu lãi tiền gửi, cho vay	5.684.953.842	9.772.533.113
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	554.028.294	21.658.004
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.814.076	-
Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán	1.934.674.296	-
Thu nhập tài chính từ các đơn vị trực thuộc	7.846.004	-
Lãi cổ tức được chia	311.488.900	1.223.683.813
Lãi bán hàng trả chậm	294.761.212	10.083.475.363
Lãi chuyển nhượng vốn	31.890.783	54.781.519
Cộng	<u>8.822.457.407</u>	<u>21.156.131.812</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	60.403.978.646	94.260.885.700
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(2.401.353.392)	(2.140.781.381)
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	20.583	10.607.674
Chi phí tài chính khác	3.368.994.192	3.463.246.284
Cộng	61.371.640.029	95.593.958.277

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	2.051.946.456	3.393.164.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.788.936.930	4.583.445.276
Cộng	5.840.883.386	7.976.609.276

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	3.022.213.510	7.513.245.308
Chi phí khấu hao TSCĐ	177.020.752	297.327.256
Thuế, phí và lệ phí	9.000.000	10.000.000
Chi phí bằng tiền khác	7.760.455.684	12.757.119.101
Cộng	10.968.689.946	20.577.691.665

7. Lợi nhuận khác

<i>Thu nhập khác</i>	<i>5.639.671.937</i>	<i>3.957.304.453</i>
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	5.319.346.399	1.437.863.636
Thu nhập từ bán hạt nhựa tái sinh	14.700.000	-
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	-	1.156.010.524
Thu tiền bồi thường	-	807.020.295
Hủy cọc lô C01-29 DA Hà Tiên	-	500.000.000
Thu nhập khác	305.625.538	56.409.998
Chi phí khác	2.889.999.419	5.677.040.350
Chi phí thanh lý tài sản cố định	2.525.185.479	2.851.330.909
Chi phí bị phạt	144.348.866	2.738.690.804
Chi phí khác	220.465.074	87.018.637
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	2.749.672.518	(1.719.735.897)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(53.101.565.894)	(59.741.976.382)
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	(3.663.581.976)	7.628.106.056
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	837.856.007	12.350.109.217
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(4.501.437.983)	(4.722.003.161)
Tổng thu nhập chịu thuế	(56.765.147.870)	(52.113.870.326)
Trong đó		
Từ hoạt động sản xuất kinh doanh khác	(58.424.607.112)	(53.852.774.805)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Từ hoạt động kinh doanh bất động sản	1.659.459.242	1.738.904.479
Thuế suất áp dụng	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	365.081.033	434.726.120

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2014 được tính trên thu nhập từ kinh doanh đất. Theo hướng dẫn tại Thông tư 123/2012/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 27 tháng 7 năm 2012, thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản phải được xác định riêng lẻ để kê khai nộp thuế, không được bù trừ với khoản lỗ chưa sử dụng phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh khác.

Năm 2014, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận kế toán sau thuế	(54.126.536.926)	(65.344.582.295)
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(54.126.536.926)	(65.344.582.295)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.915.069	9.915.069
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(5.459)	(6.590)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	9.049.363.086	15.772.814.665
Chi phí nhân viên	7.613.520.197	12.788.701.308
Chi phí khấu hao	2.570.615.067	2.822.732.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.437.379.330	63.557.533.154
Chi phí bằng tiền khác	12.455.443.287	34.768.957.350
Cộng	90.126.320.967	129.710.738.977

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	1.312.567.828	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	832.333.333	1.903.751.009

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng một năm	-	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	1.212.000.000
Cộng	-	1.212.000.000

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê có khuôn viên rộng 582 m² tại Cao ốc 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp Hồ Chí Minh với giá thuê 409.527 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 2 năm tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty xây dựng số 1	Cổ đông chiếm 34,45% vốn điều lệ
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Ban Tích	Công ty liên kết chiếm 45.67 % vốn điều lệ
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phước Hòa	Công ty liên kết chiếm 47.75 % vốn điều lệ
Công ty TNHH bê tông đúc sẵn VINA- PSMC	Công ty liên doanh chiếm 70% vốn điều lệ
Công ty C&T Ukraina	Công ty con chiếm 100% vốn điều lệ
Công ty CP XD dân dụng và CN Phía Nam	Công ty liên kết chiếm 33.33% vốn điều lệ
Công ty TNHH TM – XD và KD nhà An Phúc	Công ty liên kết chiếm 100% vốn điều lệ

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Xây dựng Số 1		
Thực hiện xây lắp	25.084.294.999	22.874.986.796
Mua vật tư	-	84.817.774.301
Công ty TNHH Bê tông Đúc sẵn VINA- PSMC		
Doanh thu bán vật tư	-	1.613.814.804
Mua vật tư	-	233.555.027
Lãi bán vật tư trả chậm	42.069.345	148.469.786
Cho vay	-	2.165.000.000
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh Nhà An Phúc		
Lãi cho vay	8.376.603.865	6.159.083.848
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích		
Bán vật tư	-	33.494.595.257
Lãi chậm trả	4.424.036.251	-
Mua vật tư	21.996.946.054	146.714.987.060
Cổ tức	219.450.000	555.329.500

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Phước Hòa		
Giao thầu xây lắp	4.372.220.895	38.646.281.150
Cho thuê thiết bị	-	8.800.000
Cho vay	-	120.000.000
Lãi trả chậm	-	31.254.869
Công ty Cổ phần Bao Bi Nhơn Trạch		
Doanh thu bán vật tư	-	1.202.320.750
Mua vật tư	-	1.450.440.000
Cổ tức được chia	-	666.336.000
Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng & Công nghiệp Phía Nam		
Bán vật tư	-	969.867.011
Giao thầu xây lắp	1.299.322.988	7.167.272.959
Cho vay	-	1.416.390.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Xây dựng số 1		
Phải thu	-	4.165.687.954
Phải trả	434.246.448	11.280.872.902
Người mua trả tiền trước	2.782.117.586	-
Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn VINA- PSMC		
Phải thu	-	649.076.257
Phải thu khác	3.222.560.421	5.537.560.421
Phải trả	2.093.746.171	2.093.746.171
Cho vay	1.806.145.602	2.315.000.000
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh Nhà An Phúc		
Phải thu khác	-	26.084.414.455
Cho vay	-	37.979.960.059
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích		
Phải thu	5.830.307.380	8.949.160.740
Phải thu khác - Cổ tức	-	555.329.500
Người mua trả tiền trước	2.040.690.288	3.981.860.180
Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng & Công nghiệp Phía Nam		
Trả trước cho người bán	-	2.939.700.980

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Phước Hòa		
Cho vay	4.423.510.000	4.423.510.000
Phải trả người bán	270.001.884	-
Trả trước cho người bán	-	720.786.557

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

Chi tiêu	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương	612.088.000	945.251.600
Cộng	612.088.000	945.251.600

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực: bán hàng, cung cấp dịch vụ, kinh doanh bất động sản và hoạt động Xây dựng. Báo cáo doanh thu theo bộ phận thể hiện kết quả của lĩnh vực kinh doanh trong kỳ như sau:

<u>Lĩnh vực</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán hàng hóa		
Doanh thu	676.379.380.251	1.505.060.059.498
Giá vốn	663.898.797.833	1.466.601.209.575
Lợi nhuận gộp	12.480.582.418	38.458.849.923
Cung cấp dịch vụ		
Doanh thu	5.114.819.912	14.074.782.012
Giá vốn	4.995.542.950	13.781.279.618
Lợi nhuận gộp	119.276.962	293.502.394
Kinh doanh bất động sản		
Doanh thu	17.888.354.323	27.340.944.418
Giá vốn	15.962.220.473	25.299.512.266
Lợi nhuận gộp	1.926.133.850	2.041.432.152
Hoạt động xây dựng		
Doanh thu	52.947.808.098	74.071.529.017
Giá vốn	53.966.283.786	69.895.426.565
Lợi nhuận gộp	(1.018.475.688)	4.176.102.452

Công ty không tiến hành lập Báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán do không đủ thông tin để tiến hành chia tách.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo tài chính này không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý bởi vì hoạt động của Công ty trong kỳ toàn bộ nằm trong lãnh thổ Việt Nam và các khu vực địa lý đó đều không phân biệt nhiều về mức độ rủi ro và lợi thế kinh tế.

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.563.734.604	22.080.999.168
Đầu tư ngắn hạn	19.576.917.731	86.942.600.134
Phải thu khách hàng và phải thu khác	372.398.719.368	583.405.990.830
Đầu tư dài hạn khác	1.388.100.000	1.388.100.000
Tài sản dài hạn khác	2.193.069.021	5.979.602.047
Cộng	418.120.540.724	699.797.292.179
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	553.512.813.472	679.653.598.019
Phải trả người bán và phải trả khác	473.916.887.933	565.938.216.081
Chi phí phải trả	56.932.258.658	20.227.462.591
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.870.935.322	1.592.720.814
Cộng	1.086.232.895.385	1.267.411.997.505

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá hối đoái và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính trong tương lai.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm/ cuối kỳ như sau:

Chi tiêu	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
USD qui đổi VND	634.561.251	26.075.528	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ (USD).

Độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá VND tăng/ giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng ngoại tệ có biến động so với VND tăng/ giảm 10% thì không ảnh hưởng trọng yếu đến khoản lỗ của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay của Công ty đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư Nếu giá cổ phiếu đầu tư tăng/ giảm 10% trong khi tất cả các chỉ số khác không thay đổi thì không ảnh hưởng trọng yếu đến khoản lỗ trước thuế của Công ty.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, và các khoản đầu tư dài hạn khác. Hội đồng quản trị Công ty xem xét và phê duyệt các Quyết định đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác như ngành

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

nghe kinh doanh, công ty để đầu tư... Các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được nắm giữ không phải mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này Công ty quản trị bằng cách chỉ mua các nguyên liệu, hàng hóa vừa đủ đơn hàng, không mua dự trữ hàng hóa tồn kho.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con và các công ty liên kết vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số cuối năm	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.563.734.604	-	22.563.734.604
Đầu tư ngắn hạn	19.576.917.731	-	19.576.917.731
Phải thu khách hàng và phải thu khác	372.398.719.368	-	372.398.719.368
Tài sản tài chính khác	1.392.195.322	800.873.699	2.193.069.021
Đầu tư dài hạn khác	-	1.388.100.000	1.388.100.000
Cộng	415.931.567.025	2.188.973.699	418.120.540.724
Vay và nợ	451.560.040.153	101.952.773.319	553.512.813.472
Phải trả người bán và phải trả khác	370.633.321.733	103.283.566.200	473.916.887.933
Chi phí phải trả	56.932.258.658	-	56.932.258.658
Tài sản tài chính khác	1.870.935.322	-	1.870.935.322
Cộng	880.996.555.866	205.236.339.519	1.086.232.895.385
Chênh lệch thanh khoản thuần	(465.064.988.841)	(203.047.365.820)	(668.112.354.661)
Số đầu năm	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.080.999.168	-	22.080.999.168
Đầu tư ngắn hạn	86.942.600.134	-	86.942.600.134
Phải thu khách hàng và phải thu khác	583.405.990.830	-	583.405.990.830
Đầu tư dài hạn khác	1.388.100.000	-	1.388.100.000
Tài sản tài chính khác	5.123.776.674	855.825.373	5.979.602.047
Cộng	698.941.466.806	855.825.373	699.797.292.179
Số đầu năm	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Vay và nợ	538.305.313.700	141.348.284.319	679.653.598.019
Phải trả người bán và phải trả khác	434.251.649.881	131.686.566.200	565.938.216.081
Chi phí phải trả	20.227.462.591	-	20.227.462.591
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.592.720.814	-	1.592.720.814
Cộng	994.377.146.986	273.034.850.519	1.267.411.997.505
Chênh lệch thanh khoản thuần	(295.435.680.180)	(272.179.025.146)	(567.614.705.326)

Phần tài sản của Công ty được trình bày ở trên chưa bao gồm giá trị hàng hóa tồn kho, khoản đầu tư vào các Công ty con, công ty liên kết. Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Công ty tiếp tục hoạt động phụ thuộc vào khả năng tạo ra nguồn tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Thông tin so sánh

Báo cáo tài chính riêng năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Một số số liệu của Báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm này.

6. Phê duyệt phát hành Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng năm 2014 đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 31 tháng 3 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2015



TRẦN CÔNG QUỐC BẢO
Tổng Giám đốc



PHẠM THANH TUẤN
Kế toán trưởng



TRƯƠNG QUỐC CƯỜNG
Người lập biểu



Ha Noi Branch

- Room 1407, 137 Nguyen Ngoc Vu St., Cau Giay Ward, Ha Noi City
- Tel : (84-04) 6285 9222
- Fax : (84-04) 6285 9111
- Email : hanoi@vietlandaudit.com.vn

Kontum Representative Office

- No.1 Tran Nhan Ton St., Thang Loi Ward, Kontum City, Kontum
- Tel : (84-060) 3958 111
- Fax : (84-060) 3958 222
- Email : kontum@vietlandaudit.com.vn

Nha Trang Branch

- AOB Nha Trang Building, 3rd Fl., 80 Quang Trung St., Nha Trang City
- Tel : (84-058) 3522 767
- Fax : (84-058) 3522 795
- Email : nhatrang@vietlandaudit.com.vn

Binh Thuan Representative Office

- 371 Tran Hung Dao, Phan Thiet City, Binh Thuan
- Tel : (84-062) 6250 237
- Fax : (84-062) 6250 236
- Email : binhthuan@vietlandaudit.com.vn

Vung Tau Representative Office

- 94 Binh Gia St., Ward 8, Vung Tau City, BRVT
- Tel : (84-064) 3583 261
- Fax : (84-064) 3583 605
- Email : vungtau@vietlandaudit.com.vn

Tien Giang Representative Office

- 7G Rach Gam St., Ward 1, My Tho City, Tien Giang
- Tel : (84-073) 3978 484
- Fax : (84-073) 3978 485
- Email : tiengiang@vietlandaudit.com.vn

Kien Giang Representative Office

- Lot C13 - 50 Bai Van Ba Street, Quarter 4, Vinh Lac Ward, Rach Gia City, Kien Giang Province.
- Tel : (84-077) 3929 239
- Fax : (84-077) 3929 200
- Email : kiengiang@vietlandaudit.com.vn

Bac Lieu Representative Office

- 200 Nguyen Van Linh St., (New Urban Area), Ward 1, Bac Lieu City.
- Tel : (84-0781) 6255 022
- Fax : (84-0781) 6255 052
- Email : baclieu@vietlandaudit.com.vn

Ca Mau Representative Office

- 113 Phan Ngoc Hien St., Ward 5, Ca Mau City
- Tel : (84-0780) 3551 919
- Fax : (84-0780) 3551 918
- Email : camau@vietlandaudit.com.vn

Binh Dinh Representative Office

- 30 Thang 3 street, (Vinh Liem Area) Binh Dinh Ward, An Nhon Town, Binh Dinh Province.
- Tel : (84-056) 363 55 68
- Fax : (84-056) 363 55 68
- Email : binhdinh@vietlandaudit.com.vn